TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HSST
Ngày: 19/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Phương.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Ngọc Quang.**

2. Ông **Lầu A Vàng.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên toà: Ông Phạm Duy Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở TAND huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 62/2019/TLST-HS, ngày 23 tháng 10 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HS, ngày 06/11/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Văn L;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1994, nơi sinh: huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản Q, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông: Vũ Văn T, (đã chết) và con bà Vũ Thị T1, sinh năm 1964; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; bị cáo có vợ là Phạm Thị D, sinh năm 1991 và 02 người con, con lớn sinh năm 2017 con nhỏ sinh năm 2019; Tiền sự; tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/7/2019 đến ngày 18/7/2019 (09 ngày) được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Bị hại:**

1. Họ và tên: Đỗ Văn T2, sinh năm 1983

Cư trú tại: Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. *(Vắng mặt)*

2. Họ và tên: Ngô Thị T3, sinh năm 1989

Cư trú tại: Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Người được chị Ngô Thị T3 ủy quyền giải quyết vụ việc: Anh Đỗ Văn T2, sinh năm 1983, Cư trú tại: Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. *(Vắng mặt)*

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Họ và tên: Phạm Văn L2, sinh năm 1989.
Cư trú tại: Khu Z, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ *(Vắng mặt)*
*** Người làm chứng**:
1**.** Họ và tên: Nguyễn Văn H, sinh năm 1994
Cư trú tại: Bản Q1, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).
2**.** Họ và tên: Phạm Thị N, sinh năm 1987
Cư trú tại: Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. *(Vắng mặt).*
3**.** Họ và tên: Hoàng Văn B, sinh năm 1974.
Cư trú tại: Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. *(Vắng mặt)*
4. Họ và tên: Ngô Quang T4, sinh năm 1958
Cư trú tại: Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. *(Vắng mặt)*
5. Họ và tên: Vũ Thị T5, sinh năm 1966
Cư trú tại: Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. *(Vắng mặt)*
6**.** Họ và tên: Phạm Thị D, sinh năm 1991
Cư trú tại: Bản Q, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ 00 ngày 09/7/2019 được anh Đỗ Văn T2, sinh năm 1983, trú tại Bản C, xã B, huyện M nhờ trông nhà hộ, Vũ Văn L từ nhà tại bản Q, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên lên nhà anh T2. Thấy nhà anh T2 không có ai ở nhà và biết nhà anh T2 có tiền để trong két ở trong phòng ngủ L đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền để trả nợ. L lên tầng 2 nhà anh T2 ngắt điện cầu giao tổng nhằm ngắt hoạt động của camera giám sát, sau đó đi xuống giá để đồ tại gian hàng nhà anh T2 lấy 01 chiếc búa đinh và 01 chiếc mỏ lết đi vào phòng ngủ nhà anh T2, vì phòng tối không có điện, L đã dùng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, từ túi quần bên phải ra bật đèn Flash đi vào khu vực có 02 chiếc két sắt để sát nhau. L dùng búa và mỏ lết cậy, đập phá chiếc két nhãn hiệu Việt Đức màu xanh có kích thước 91cm x 55cm x 39cm lấy được 119.860.000đ (*một trăm mười chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*), sau đó L tiếp tục mở chiếc két thứ hai nhãn hiệu Việt Đức màu xanh có kích thước 52cm x 81cm x 38cm, không khóa, khi mở ra thấy chỉ có giấy tờ không có tiền L đóng lại. Sau khi lấy được tiền L đi ra phòng bếp cho toàn bộ búa đinh, mỏ lết, tiền vào 01 bình chứa nước nhà vệ sinh màu trắng, không nắp đã hỏng mang ra xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, màu xanh bạc, biển kiểm soát 19N1-141.82 đi về nhà cất giấu.

Cùng ngày 09/7/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và ra Lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở và vùng phụ cận đối với Vũ Văn L, qua khám xét thu giữ tại nhà L 01 bình đựng nước xả bồn cầu vệ sinh màu trắng đã bị vỡ, không nắp, miệng có kích thước 38cm x 22cm, đáy có kích thước 27cm x 18cm, cao 31cm bên trong có phao nước đã qua sử dụng, 01 mỏ lết bằng kim loại màu đen dài 30cm và thu giữ trên nóc nhà tắm số tiền 119.860.000đ (*một trăm mười chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Theo Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐ ĐGTS ngày 22/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M. Kết luận tại thời điểm định giá tài sản tháng 8/2019 thì chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Đức màu xanh có kích thước 91cm x 55cm x 39cm Vũ Văn L cậy phá có trị giá 1.600.000đ (*một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Tại cáo trạng số: 61/CT-VKS-MA ngày 22/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Mường Ảng để xét xử bị cáo Vũ Văn L về tội" trộm cắp tài sản", quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 của BLHS năm 2015.

Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Vũ Văn L về tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 1,2,5 điều 65 của BLHS xử phạt bị cáo Vũ Văn L từ 18 đến 20 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 40 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

*** Vật chứng của vụ án:** Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG có lắp 01 sim số 0396.386.686 thu giữ của bị cáo L.

- Trả lại cho gia đình bị hại anh Đỗ Văn T2 và chị Ngô Thị T3: 01 bình đựng nước xả bồn cầu vệ sinh màu trắng đã bị vỡ; 01 mỏ lết bằng kim loại màu đen, cũ đã qua sử dụng; 01 két sắt màu xanh, trên mặt ngoài cảnh của két sắt có chữ "VIET DUC".

- Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng trả lại cho gia đình bị hại anh Đỗ Văn T2 và chị Ngô Thị T3 số tiền 119.860.000đ (*một trăm mười chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*), 01 két sắt nhãn hiệu Việt Đức màu xanh có kích thước 81cm x 52cm x 39cm theo Quyết định xử lý vật chứng số 14/QĐ ngày 16/8/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

- Chấp nhận việc trao trả tài sản của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Ảng cho anh Phạm Văn L2, trú tại Khu Z, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER GP, màu xanh bạc, BKS 19N1-141.82 (xe thu giữ của bị cáo L) theo Quyết định xử lý vật chứng số 18/QĐ ngày 25/9/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

- Đối với 01 chiếc búa có cán bằng gỗ sơn ngoài màu đỏ đã bị xước sơn, đầu búa bằng kim loại một đầu vuông có kích thước khoảng 04cm, một đầu còn lại có móc dài khoảng 03cm, bị cáo L khai đã làm mất, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng đã tổ chức truy tìm nhưng không thấy.

*** Trách nhiệm dân sự:** Bị hại là anh Đỗ Văn T2 và chị Ngô Thị T3 đã nhận lại tài sản bị mất là số tiền 119.860.000đ (*một trăm mười chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*); trong quá trình trộm cắp tài sản bị cáo L cạy phá làm hư hỏng một chiếc két sắt của gia đình anh T2, bị cáo L đã tự nguyện đền bù thiệt hại cho gia đình anh T2 số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*), gia đình anh T2 đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

*** Án phí**: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo L phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Văn L đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của đại diện VKSND huyện Mường Ảng, bị cáo không có tranh luận gì. Lời sau cùng, bị cáo Vũ Văn L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo Vũ Văn L đã khai và công nhận: Hồi 08 giờ 00 ngày 09/7/2019 tại Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, đã dùng búa đinh, mỏ lết cạy phá két sắt trộm cắp số tiền 119.860.000đ (*một trăm mười chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*) của gia đình anh Đỗ Văn T2. Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 61/CT-VKS-MA ngày 22/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút trộm cắp số tiền 119.860.000đ (*một trăm mười chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*). Mục đích lấy trộm tiền chi tiêu cá nhân của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền một cách nhanh chóng, thoả mãn cho nhu cầu của bản thân, bị cáo L đã bất chấp pháp luật đi vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 173 của BLHS năm 2015. Hành vi phạm tội của bị cáo được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS năm 2015. Tại Điều 173 của BLHS quy định: "*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c)Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng".

Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo Vũ Văn L về tội " trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Vũ Văn L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi mà bị cáo gây ra.

Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội

có mức cao nhất của khung hình phạt đến 07 năm tù, được quy định tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

Hành vi phạm tội bị cáo gây ra đã gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm cho bà con nhân dân trong vùng không yên tâm làm ăn, sinh sống, gây mất trật tự trị an và an toàn trên địa bàn dân cư. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là cần thiết, để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung, tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu nói riêng trên địa bàn.

Vì các lẽ trên nên khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng truy tố bị cáo Vũ Văn L về tội" Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo L được bố mẹ nuôi cho ăn học hết lớp 12/12 thì nghỉ học ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình; đến tháng 6/2017 kết hôn với chị Phạm Thị D và có 02 người con chung, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh tháng 11/2019. Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo là người chồng, người cha, có nhận thức pháp luật, nhưng thiếu ý thức chấp hành pháp luật, không rèn luyện tu dưỡng đạo đức, lười lao động lại muốn có tiền một cách nhanh chóng mà không phải bỏ công sức lao động nên đã đi vào con đường phạm tội trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm trên địa bàn. Tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại và bị hại có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 điều 51 của BLHS.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào qui định tại Điều 52 BLHS.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là cần thiết. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo L có 02 con còn nhỏ, con nhỏ nhất vừa mới sinh tháng 11/2019 và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại khoản 1 và khoản 2 điều 51 BLHS; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng để tạo điều kiện cho bị cáo học tập, lao động trong cộng đồng và chứng tỏ sự hối cải của mình ngay trong môi trường xã hội và cũng thể hiện chính sách khoan hồng, chính sách giáo dục hơn trừng trị của pháp luật hình sự Việt Nam đối với người phạm tội. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và áp dụng Điều 65 của BLHS xử phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách nhất định đối với bị cáo.

Bị cáo Vũ Văn L với nghề nghiệp tự do, không có thu nhập ổn định, gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng.

* **Vật chứng của vụ án:** Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG có lắp 01 sim số 0396.386.686 thu giữ của bị cáo L.

- Trả lại cho gia đình bị hại anh Đỗ Văn T2 và chị Ngô Thị T3: 01 bình đựng nước xả bồn cầu vệ sinh màu trắng đã bị vỡ; 01 mỏ lết bằng kim loại màu đen, cũ đã qua sử dụng; 01 két sắt màu xanh, trên mặt ngoài cảnh của két sắt có chữ "VIET DUC".

- Chấp nhận việc việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng trả lại cho gia đình bị hại anh Đỗ Văn T2 và chị Ngô Thị T3 số tiền 119.860.000đ (*một trăm mười chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*), 01 két sắt nhãn hiệu Việt Đức màu xanh có kích thước 81cm x 52cm x 39cm theo Quyết định xử lý vật chứng số 14/QĐ ngày 16/8/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

- Chấp nhận việc trao trả tài sản của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Ảng cho anh Phạm Văn L2, trú tại Khu Z, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER GP, màu xanh bạc, BKS 19N1-141.82 (xe thu giữ của bị cáo L) theo Quyết định xử lý vật chứng số 18/QĐ ngày 25/9/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

- Đối với 01 chiếc búa có cán bằng gỗ sơn ngoài màu đỏ đã bị xước sơn, đầu búa bằng kim loại một đầu vuông có kích thước khoảng 04cm, một đầu còn lại có móc dài khoảng 03cm, bị cáo L khai đã làm mất, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng đã tổ chức truy tìm nhưng không thấy.

*** Trách nhiệm dân sự:** Bị hại là anh Đỗ Văn T2 và chị Ngô Thị T3 đã nhận lại tài sản bị mất là số tiền 119.860.000đ (*một trăm mười chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*); trong quá trình trộm cắp tài sản bị cáo L cạy phá làm hư hỏng một chiếc két sắt của gia đình anh T2, bị cáo L đã tự nguyện đền bù thiệt hại cho gia đình anh T2 số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*), gia đình anh T2 đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

*** Án phí**: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo L phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[2] Quyết định truy tố của VKSND huyện Mường Ảng; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của bị cáo qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[3] Trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 1,2,5 điều 65 của BLHS 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Vũ Văn L 18 (*mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 36 (*ba mươi sáu*) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/11/2019).

Giao bị cáo Vũ Văn L cho UBND xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Vũ Văn L thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện M, tỉnh Điện Biên thì Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Mường Ảng để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp Vũ Văn L thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Đỗ Văn T2 và chị Ngô Thị T3 đã nhận lại tài sản bị mất là số tiền 119.860.000đ (*một trăm mười chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*); trong quá trình trộm cắp tài sản bị cáo L cạy phá làm hư hỏng một chiếc két sắt của gia đình anh T2, bị cáo L đã tự nguyện đền bù thiệt hại cho gia đình anh T2 số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*), gia đình anh T2 đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG có lắp 01 sim số 0396.386.686 thu giữ của bị cáo L.

- Trả lại cho gia đình bị hại anh Đỗ Văn T2 và chị Ngô Thị T3 cư trú tại: Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên: 01 bình đựng nước xả bồn cầu vệ sinh bằng sứ màu trắng đã bị vỡ; 01 mỏ lết bằng kim loại màu đen, cũ đã qua sử dụng; 01 két sắt màu xanh, trên mặt ngoài cảnh của két sắt có chữ "VIET DUC".

(*theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/10/2019 của cơ quan Công an huyện Mường Ảng và cơ quan Thi hành án huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên)*.

- Chấp nhận việc việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng trả lại cho gia đình bị hại anh Đỗ Văn T2 và chị Ngô Thị T3 số tiền 119.860.000đ (*một trăm mười chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*), 01 két sắt nhãn hiệu Việt Đức màu xanh có kích thước 81cm x 52cm x 39cm theo Quyết định xử lý vật chứng số 14/QĐ ngày 16/8/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

- Chấp nhận việc trao trả tài sản của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Ảng cho anh Phạm Văn L2, trú tại Khu Z, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER GP, màu xanh bạc, BKS

19N1-141.82 (xe thu giữ của bị cáo L) theo Quyết định xử lý vật chứng số 18/QĐ ngày 25/9/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo L phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/11/2019).

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND h.Mường Ảng;
- CQĐT Công an h.Mường Ảng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS h.Mường Ảng;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương